

Bản án số: 89/2020/HS-ST
Ngày: 27/8/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Mỹ.

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoài Đức Huệ

Bà Trần Thanh Phương

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nga, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hùng Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý: 100/2020/TLST-HS ngày 29 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2020/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 8 năm 2020, đối với bị cáo:

Trương Thị Ngọc V (tên gọi khác: Nhon), sinh năm 1983 tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: Ấp M, xã H, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: Ấp M, xã H, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Trương Văn M và bà Lê Thị P.

Chồng Nguyễn Phúc H (đã ly hôn năm 2018) và có 02 con, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2004.

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 09/6/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch xử phạt 08 (tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án hình sự sơ thẩm số 53/HS-ST.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/5/2020, sau đó chuyển tạm giam cho đến nay tại Nhà Tạm giữ Công an huyện Nhơn Trạch (có mặt).

- Bị hại: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1992

Địa chỉ thường trú: Thôn C, xã A, huyện L, tỉnh Bắc Ninh.

Địa chỉ tạm trú: Ấp 1, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 13/5/2020, Trương Thị Ngọc V điều khiển xe mô tô hiệu SH Mode, màu đen, biển số 60C2-69725 đến Kiot F1 của chị Nguyễn Thị T thuộc ấp 1, xã L để mua hàng hóa. Tại đây, bị cáo nhìn thấy một túi xách màu đen của chị T để gần chỗ giày, dép nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Sau khi mua vớ, khẩu trang xong, lợi dụng chị T không để ý, V liền lấy túi xách, cất giấu vào bịch đồ mới mua rồi lấy xe ra về. Trên đường đi, V dừng xe lại kiểm tra thì thấy có số tiền 7.500.000 đồng, 01 hộp nhựa màu đỏ hình trái tim bên trong có 02 chiếc nhẫn kim loại màu vàng, có đính hạt đá, 01 thẻ ATM và 01 giấy Chứng minh nhân dân mang tên chị T. V lấy tiền và 02 chiếc nhẫn vàng đem về nhà cất giấu, tài sản còn lại, V bỏ vào thùng rác bên đường. Ngày 14/5/2020, V đem 02 nhẫn vàng đến tiệm vàng B9, thuộc khu phố P, thị trấn H bán được 1.109.000 đồng. Ngày 15/5/2020, biết chị T đã phát hiện hành vi trộm cắp nên V đến đầu thú tại Ban Công an xã L. Công an xã L lập hồ sơ chuyển Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nhơn Trạch giải quyết.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số: 133/KLĐG.HĐĐG ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Nhơn Trạch đã kết luận: 02 nhẫn tròn bằng vàng 10k, trọng lượng 3.221g, tương ứng 08 phân 05 ly có giá 1.360.000 (một triệu, ba trăm sáu mươi ngàn) đồng.

Tại Bản Cáo trạng số: 98/CT-VKS-NT ngày 27 tháng 7 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch đã truy tố bị cáo Trương Thị Ngọc V về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015, đã sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

- Tuyên bố bị cáo Trương Thị Ngọc V phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Xử phạt bị cáo V từ 08 (tám) đến 10 (mười) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, bị cáo đã bồi thường số tiền theo yêu cầu của bị hại là 10.000.000 đồng, trong đó có 2.500.000 đồng làm lại giấy tờ đã bị mất. Đối với 02 nhẫn vàng bị cáo đã chuộc lại và trả cho bị hại và bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

- Tóm tắt lời khai của bị hại bà Nguyễn Thị T có trong hồ sơ và tại phiên tòa, như sau:

Lời khai của bị cáo về việc chiếm đoạt tài sản của Chị đúng. Sau khi Chị lấy tiền trong túi xách để thối lại thì bị cáo thấy trong túi xách có tiền nên lợi dụng Chị không để ý liền lấy trộm tài sản và ra về. Khi phát hiện mất tài sản, Chị nghi ngờ bị cáo và đã làm đơn trình báo Ban công an xã L. Ngày 15/5/2020, bị cáo đến trả lại cho Chị số tiền 10.000.000 đồng, trong đó có 2.500.000 đồng tiền làm lại giấy CMND và thẻ ATM; đồng thời, bị cáo chở Chị đi chuộc lại 02 nhẫn vàng. Chị xác định không có mất 02 nhẫn vàng 9999 như lời khai trong đơn trình báo công an và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Về trách nhiệm hình sự, chị đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội. Vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 13/5/2020, bị cáo điều khiển xe mô tô hiệu SH Mode, màu đen, biển số 60C2-69725 đến Kiot F1 của chị T để mua hàng hóa. Sau khi mua vớ và khẩu trang xong, lợi dụng chị T không để ý, V liền lấy túi xách của chị T, bên trong có số tiền 7.500.000 đồng, 01 hộp nhựa màu đỏ hình trái tim bên trong có 02 chiếc nhẫn kim loại màu vàng, có đính hạt đá, 01 thẻ ATM và 01 giấy Chứng minh nhân dân mang tên chị T. Bị cáo xác định 02 nhẫn vàng do bị cáo bán tại tiệm vàng B theo định giá có giá trị 1.360.000 đồng, là đúng.

Lời khai của V là phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Trương Thị Ngọc V phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã sửa đổi, bổ sung năm 2017 như Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tài sản đã chiếm đoạt là 8.860.000 đồng.

[2] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an ninh xã hội ở địa phương. Bị cáo là công dân đã trưởng thành, nhận thức pháp luật đầy đủ nhưng cố ý phạm tội chỉ để thỏa mãn mục đích tiêu xài cho bản thân. Trong thời gian được cho tại ngoại, chờ xét xử của vụ án trước đã tiếp tục có hành vi phạm tội “Trộm cắp tài sản”, điều này chứng minh bị cáo có ý thức xem thường pháp luật. Vì vậy, mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo phải

ng nghiêm, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra; mới có đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người tốt và đạt được mục đích phòng ngừa chung tội phạm.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử đã xem xét cho bị cáo tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại theo yêu cầu của bị hại, tài sản bị chiếm đoạt có giá trị không lớn, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội đã ra đầu thú và bị hại đã có đơn yêu cầu giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Vì vậy, nên giảm một phần hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi bị phát hiện hành vi phạm tội, V đã giao trả cho chị T số tiền 7.500.000 đồng, bồi thường 2.500.000 đồng làm lại thẻ ATM và giấy CMND, tự chuộc lại 02 nhẫn vàng đã bán trả lại cho chị T và bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì nên không xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Điều tra viên, Kiểm sát viên đã tiến hành các thủ tục tố tụng và thu thập chứng cứ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; đảm bảo quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị cáo những người tham gia tố tụng khác không ai có khiếu nại, tố cáo về hành vi của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng.

[9] Về quan điểm truy tố, tội danh, điều luật áp dụng và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trương Thị Ngọc V phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, 50, 55, 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 136, 260, 268, 326, 333, 337 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

1. Xử phạt Trương Thị Ngọc V 10 (mười) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt 08 (tám) tháng tù của Bản án hình sự sơ thẩm số 53/2020/HS-ST, ngày 09/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 15/5/2020, trừ cho bị cáo thời gian bị tạm giữ từ ngày 02/12/2019 đến ngày 11/12/2019, theo bản án số 53.

2. Án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDT.Đồng Nai (1);
- VKSNDT.Đồng Nai (1);
- VKSNDH.Nhơn Trạch (1);
- Chi cục THADS H.Nhơn Trạch (1);
- Bị cáo (1);
- Bị hại (1);
- Nhà Tạm giữ CAHNTr (1);
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai (1);
- HS Thi hành án hình sự (2);
- Lưu hồ sơ, Tòa án (2).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Mỹ